|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG TH BẠCH ĐẰNG**  Họ và tên : ...........................................  Lớp: ….... | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**  ***Năm học 2023-2024***  **Môn:** **TIẾNG VIỆT 3**  *(Thời gian làm bài: 60 phút)* |

**A. PHẦN KIỂM TRA ĐỌC (10 điểm)**

**I. Kiểm tra đọc thành tiếng** **(4 điểm)**

GV kiểm tra từng học sinh trong các tiết kiểm tra đọc theo hướng dẫn KTĐK cuối Học kì II môn Tiếng Việt Lớp 3.

**II. Kiểm tra đọc hiểu (6 điểm)**

***Đọc thầm bài văn sau:***

**CON BÚP BÊ BẰNG VẢI**

Ngày sinh nhật Thủy, mẹ đưa Thủy ra phố đồ chơi. Mẹ bảo Thủy chọn một món đồ đồ chơi em thích nhất. Đi dọc gần hết phố đồ chơi, cô bé nhìn hoa cả mắt, vẫn không biết nên mua gì vì thứ nào em cũng thích. Đến cuối phố, thấy một bà cụ tóc bạc ngồi bán những con búp bê bằng vải giữa trời giá lạnh, Thủy kéo tay mẹ dừng lại. Bà cụ nhìn hai mẹ con Thủy, cười hiền hậu:

- Cháu mua búp bê cho bà đi!

Thủy nhìn bà, rồi chỉ vào con búp bê được khâu bằng mụn vải xanh, mặt độn bông, hai con mắt được chấm mực không đều nhau:

- Mẹ mua con búp bê này đi!

Trên đường về mẹ hỏi Thủy:

- Sao con lại mua con búp bê này?

Thủy cười:

- Vì con thương bà. Bà già bằng bà nội, mẹ nhỉ? Trời lạnh thế mà bà không được ở nhà, con mua búp bê cho bà vui.

(*Sưu tầm*)

***\* Dựa vào nội dung bài đọc, hãy khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng nhất hoặc làm theo yêu cầu bài tập dưới đây.***

**Câu 1: Ngày sinh nhật Thủy, mẹ đưa Thủy ra phố đồ chơi để làm gì?***(0,5 điểm)*

A. Để Thủy được nhìn ngắm đồ chơi.

B. Để Thủy được chọn mua đồ chơi nhiều tiền nhất.

C. Để Thủy được chọn mua món đồ chơi em thích nhất.

**Câu 2: Vì sao đi gần hết phố, Thủy vẫn chưa mua được quà gì?***(0,5 điểm)*

A. Vì Thủy hoa mắt , chóng mặt, không muốn chọn gì.

B. Vì đồ chơi nhiều đến hoa mắt , thứ gì Thủy cũng thích.

C. Vì nhiều đồ chơi nhưng đồ chơi nào cũng không đẹp.

**Câu 3: Thủy đã chọn mua món quà có đặc điểm gì?***(0,5 điểm)*

A. Con búp bê được khâu bằng mụn vải xanh, mặt độn bông.

B. Con búp bê mặt độn bông, hai con mắt được chấm mực không đều nhau.

C. Con búp bê được khâu bằng mụn vải xanh, mặt độn bông, hai con mắt được chấm mực không đều nhau.

**Câu 4: Vì sao Thủy mua con búp bê vải?***(0,5 điểm)*

Đúng ghi Đ, sai ghi S vào mỗi ô trống sau:

A. Vì đó là món quà đẹp nhất.

B. Vì em thương bà cụ bán hàng dưới trời lạnh.

**Câu 5: Qua câu chuyện trên em học tập được đức tính gì ở Thủy, để có thể vận dụng vào cuộc sống?***(0,5 điểm)*

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

**Câu 6: Đặt 1 câu có hình ảnh so sánh***(1 điểm)*

…………………………………………………………………………………

**Câu 7: Tìm hai cặp từ có nghĩa giống nhau***(0,5 điểm)*

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

**Câu 8: Dấu gạch ngang trong bài “ *Con búp bê bằng vải*” dùng để làm gì?***(0,5 điểm)*

A. Báo hiệu phần liệt kê.

B. Đánh dấu lời đối thoại.

C. Báo hiệu phần giải thích.

**Câu 9:***(1 điểm)*

a) Đặt dấu câu thích hợp vào chỗ trống:

Sáng hôm ấy (    ) tôi ra vườn ngắm nhìn những bông hoa hồng (    )  hoa lan đang đua nhau khoe sắc.

b) Câu “***Ngày sinh nhật Thủy****, mẹ đưa Thủy ra phố đồ chơi*.” Bộ phận được in đậm trả lời cho câu hỏi:

A. Khi nào?

B. Ở đâu?

C. Bằng gì?

**B. PHẦN KIỂM TRA VIẾT (10 điểm)**

**I. Chính tả (4 điểm):** *Nghe – viết*

**Cây hoa nhài**

     Hương nhài thơm, một mùi thơm nồng nàn. Cây nhài sống một cách thảnh thơi, yên bình. Nó chẳng hề bị cây cỏ nào chen lấn. Đất bùn ao phơi khô đập tơi, trộn lẫn với cám và phân lân, là nguồn sống no đủ của nó. Nước vo gạo pha loãng, nước luộc ốc, mẹ vẫn đem tưới tắm cho nhài mỗi ngày.

**II. Tập làm văn (6 điểm):**

**Đề bài:**Viết đoạn văn về ước mơ của em.

………………………………………………………………………………………….

………………………………………………………………………………………….

………………………………………………………………………………………….

………………………………………………………………………………………….

………………………………………………………………………………………….

………………………………………………………………………………………….

………………………………………………………………………………………….

………………………………………………………………………………………….

………………………………………………………………………………………….

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

**A. PHẦN KIỂM TRA ĐỌC (10 điểm)** *– Thời gian làm bài 40 phút*

**I. Kiểm tra đọc thành tiếng** **(4 điểm)**

GV kiểm tra đọc thành tiếng đối với từng học sinh

- Đọc vừa đủ nghe, rõ ràng tốc độ đọc đạt yêu cầu: 1 điểm

- Đọc đúng tiếng, từ (không đọc sai quá 5 tiếng): 1 điểm

- Ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu, các cụm từ rõ nghĩa: 1 điểm

- Trả lời đúng câu hỏi về nội dung đoạn đọc: 1 điểm

**II. Kiểm tra đọc hiểu (6 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| 1 | Khoanh vào ý C | 0,5 điểm |
| 2 | Khoanh vào ý B | 0,5 điểm |
| 3 | Khoanh vào ý C | 0,5 điểm |
| 4 | a) S  b) Đ | 0,5 điểm |
| 5 | Thương người, quan tâm, giúp đỡ…….. | 0,5 điểm |
| 6 | Hoa hồng rực rỡ như nàng công chúa kiêu sa. | 1 điểm |
| 7 | To – lớn, xinh – đẹp | 0,5 điểm |
| 8 | Khoanh vào ý B | 0,5 điểm |
| 9 | a) điền 2 dấu phẩy  b) Khoanh vào ý A | 1 điểm |

**B. PHẦN KIỂM TRA VIẾT (10 điểm)** *– Thời gian làm bài 40 phút*

**I. Chính tả (4 điểm):** *Nghe – viết (15 phút)*

- Tốc độ đạt yêu cầu: 1 điểm

- Chữ viết rõ ràng, viết đúng chữ, cỡ chữ: 1 điểm

- Viết đúng chính tả (không mắc quá 5 lỗi): 1 điểm

- Trình bày đúng quy định, viết sạch, đẹp: 1 điểm

**II. Tập làm văn (6 điểm):** *(25 phút)*

- Đủ nội dung (đủ ý) theo yêu cầu: 3 điểm

- Kĩ năng: 3 điểm gồm:

+ Điểm tối đa cho kĩ năng viết chữ, viết đúng chính tả: 1 điểm

+ Điểm tối đa cho kĩ năng dùng từ, đặt câu: 1 điểm

+ Điểm tối đa cho phần sáng tạo: 1 điểm

**Lưu ý khi chấm bài KTĐK môn Tiếng Việt**

\* Bài kiểm tra được giáo viên cho điểm theo thang điểm 10, không cho điểm thập phân.

\* Yêu cầu giáo viên chấm thực hiện:

- Ghi điểm thành phần vào từng câu, từng bài, (không ghi điểm trừ).

- Ghi rõ đúng (Đ), sai (S).

- Ghi rõ lời nhận xét để học sinh hiểu lí do mình bị trừ điểm.

- Khi chấm chính tả, giáo viên cần gạch chân chữ viết sai, đánh dấu tích (V) vào lỗi do viết thiếu chữ. (Không cho điểm tối đa nếu học sinh viết chưa sạch, đẹp)